

Số: 78 /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 03 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 155/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 155/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 155/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

1. Bổ sung khoản 4 Điều 3:

“4. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lộ trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương”

2. Sửa đổi c khoản 1 Điều 8:

“c) Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân vùng lựa chọn đơn vị xử lý tại đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và theo quy định pháp luật”

3. Bổ sung nội dung tại Điều 9:

“Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lộ trình thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 14:

“e) Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 9 Quy định này (trừ trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã); tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại (trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ).”

5. Bổ sung điểm i khoản 1 Điều 14:

“i) Tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân vùng lựa chọn đơn vị xử lý nêu tại đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và theo quy định pháp luật.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 15:

“8. Chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả. Tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xử lý theo quy định pháp luật. Tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân vùng lựa chọn đơn vị xử lý tại đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và theo quy định pháp luật”;

7. Bổ sung khoản 18, 19, 20 Điều 15:

“18. Định giá cụ thể theo tình hình thực tế tại địa phương đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp).

19. Đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn.

20. Thực hiện trách nhiệm khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm tra VB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, 4, 5, 8, 12.

Ntt/VP3/QPPL/QĐ05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Anh Chức